

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2017/HNGĐ-ST.**

Ngày: 18/9/2017.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Khởi.**

2. Ông **Trần Xương.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Diễn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Dương Thanh Hậu** – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 259/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04/8/2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Mộng T**, địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

* *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Đ**, địa chỉ: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Mộng T trình bày:

- Về Quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mộng T và ông Trần Văn Đ kết hôn với nhau năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 21/8/2006. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến trước tháng 07/2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Đ rượu chè, cờ bạc, không lo làm ăn và có xúc phạm đến gia đình cha mẹ bà và đến ngày 30/7/2014 thì bà đi lao động nước ngoài, ông Đ cũng đồng ý và đến ngày 28/7/2017 thì bà về nước và sống bên cha mẹ ruột ở ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long và đi làm thuê ở Thành phố H đến nay và ông bà không sống chung như vợ chồng từ ngày 30/7/2014 đến nay. Sau khi ly thân thì

gia đình hai bên và ông bà cũng không có gặp nhau để bàn bạc. Nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là cháu Trần Hải Yến L, sinh ngày 29/10/2006 hiện nay cháu L đang sống chung với bà và đang đi học; Nếu ly hôn, nguyện vọng con sống với ai thì người đó nuôi và không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 24/8/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị Mộng T kết hôn với nhau năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 21/8/2006. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến ngày 30/7/2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ đi nước ngoài, bản thân ông thì không đồng ý, nhưng sau đó vợ ông tự quyết định đi lao động nước ngoài và đến ngày 28/7/2017 thì vợ ông về nước và sống bên vợ ở ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long đến nay, ông có xúc phạm bên vợ là do bên vợ xúc phạm ông và ông bà không sống chung như vợ chồng từ ngày 30/7/2014 đến nay. Các nguyên nhân khác vợ ghi trong đơn khởi kiện là không đúng. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và ông bà cũng không có gặp nhau để bàn bạc. Ông Đ không đồng ý ly hôn với bà T, vì còn thương vợ con.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 01 con chung là cháu Trần Hải Yến L, sinh ngày 29/10/2006 hiện nay cháu L đang sống chung với mẹ và đang đi học; Nếu ly hôn, nguyện vọng con sống với ai thì người đó nuôi và không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2017, cháu L khai: Nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn sống chung với mẹ (bà T).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 khoản và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho bà Võ Thị Mộng T trực tiếp nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mộng T và ông Trần Văn Đ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương năm 2006, không ai ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, kinh tế ông bà gặp khó khăn, ông Đ không lo làm ăn, chỉ lo cờ bạc, rượu chè và xúc phạm đến gia đình bà T, nhưng vợ chồng không tìm biện pháp cùng nhau khắc phục, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30/7/2014 cho đến nay, cũng như sau khi Tòa án đã thụ lý có mời hai bên đến hòa giải và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để vợ chồng hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà T kiên quyết ly hôn với ông Đ và phía ông Đ không đồng ý ly hôn với bà T vì còn thương vợ con và cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà Võ Thị Mộng T được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

[2] Về con chung: Ông Trần Văn Đ và bà Võ Thị Mộng T thừa nhận ông bà sống chung có 01 con chung là cháu Trần Hải Yến L, sinh ngày 29/10/2006. Tại tòa, bà T và ông Đ đều thỏa thuận nếu ông bà ly hôn thì nguyện vọng cháu L muốn sống với ai thì người đó nuôi và không bên nào cấp dưỡng nuôi con. **Xét thấy**, Tại biên bản lấy lời khai cháu L ngày 24/8 /2017 thì cháu L có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn và bà T cũng đồng ý nuôi cháu L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu L cho bà T nuôi dưỡng là đúng theo nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho cháu L. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho cháu L.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông bà xác định không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Thị Mộng T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho bà Võ Thị Mộng T trực tiếp nuôi là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Võ Thị Mộng T được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hải Yến L, sinh ngày 29/10/2006 cho bà Võ Thị Mộng T **trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, vì bà T không yêu cầu.**

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông bà xác định không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Mộng T chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007592, ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trần Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (PGĐKT).
- VKSND huyện Kế Sách.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các bên đương sự.
- Ủy ban ND xã X.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng